

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày: 15/7/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kim;
2. Ông Kiều Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Trần Văn N**, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: **ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh **Phạm Quốc V**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: **ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

2. Bị đơn: 1. Ông **Đặng Văn B**, sinh năm: 1961;

2. Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: **ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

(Anh **V** có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông **B**, bà **L** vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh **Phạm Quốc V** trình bày:*

Ngày 22/6/2021, ông **Đặng Văn B** và bà **Đoàn Thị L** có vay của ông **Trần Văn N** số tiền 350.000.000 đồng, có viết giấy mượn tiền và ký tên vào giấy mượn tiền này.

Ông B, bà L cam kết đến ngày 22/12/2021 sẽ trả hết số nợ đã vay cho ông N. Ông N với ông B và bà L không có thỏa thuận lãi suất tiền vay. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ, ông N nhiều lần yêu cầu ông B, bà L trả tiền nhưng không trả.

Nay, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà L trả số tiền vay là 350.000.000 đồng và tính lãi bắt đầu từ ngày 22/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 21 tháng x 0,83%/tháng x 350.000.000 đồng = 61.005.000 đồng. Tổng cộng là 411.005.000 đồng.

Ngày 18/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phạm Quốc V rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: anh V rút phần yêu cầu bà Đoàn Thị L cùng với ông Đặng Văn B trả nợ cho ông N. Ông N chỉ yêu cầu ông B có trách nhiệm trả cho ông N số tiền 350.000.000 đồng và tiền lãi như đã khởi kiện.

Bị đơn ông Đặng Văn B và bà Đoàn Thị L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nên không có lời trình bày.

Ngày 06/6/2024, anh V, đại diện cho ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai không có thay đổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 21, 26, 35, 39, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Văn N, buộc bị đơn Đặng Văn B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Văn N số nợ gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất 0,83%/năm; thời hạn tính lãi kể từ ngày 22/12/2021 cho đến ngày xét xử.

- Đình chỉ một phần nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Đoàn Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng ông B trả nợ cho ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 07/12/2023, ông **Trần Văn N** khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Đặng Văn B** và bà **Đoàn Thị L** trả cho ông **N** số nợ còn thiếu là 350.000.000 đồng và tính lãi bắt đầu từ ngày 22/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 21 tháng x 0,83%/tháng x 350.000.000 đồng = 61.005.000 đồng. Tổng cộng là 411.005.000 đồng. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông **B**, bà **L** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa hôm nay. Xét thấy, tại “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 là tờ giấy viết tay không có công chứng, chứng thực có nội dung: “... tôi tên **Đặng Văn B** hiện ngụ **T, xã T, M** cùng vợ là **Đoàn Thị L** có mượn của **Trần Văn N** số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Vợ chồng tôi hứa trả cho em **Trần Văn N** vào ngày 22/12/2021. Nếu sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Dưới mục “Người mượn” có chữ ký “**B**” và chữ viết “**Đặng Văn B**”; chữ viết “**Vợ L**”, “**Đoàn Thị L**”. Theo anh **V**, đại diện của nguyên đơn, chữ ký và chữ viết vừa nêu là của ông **B** và bà **L**, bị đơn trong vụ kiện Tòa án đang thụ lý giải quyết. Xét thấy, tại “Kết luận giám định” số 224/2024/KL-KTHS ngày 25/3/2024 của **Phòng K - Công an tỉnh B** kết luận: chữ ký dạng chữ viết “**B**” mang tên “**Đặng Văn B**” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định (Giấy mượn tiền ngày 22/6/2021) so với chữ ký dạng chữ viết “**B**” mang tên “**Đặng Văn B**” trên mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Như vậy có cơ sở khẳng định, người ký mượn tiền trong “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 là ông **Đặng Văn B** như lời trình bày của anh **V**, đại diện nguyên đơn.

Cũng tại Kết luận giám định nêu trên **Phòng K - Công an tỉnh B** kết luận: chữ ký dạng chữ viết “**L**” mang tên “**Đoàn Thị L**” dưới mục “Người mượn” trên mẫu cần giám định so với chữ ký dạng chữ viết “**L**” mang tên “**Đoàn Thị L**” trên mẫu so sánh không phải do cùng một người ký, viết ra. Như vậy chưa có cơ sở xác định, người ký mượn tiền trong “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 là bà **Đoàn Thị L** như lời trình bày của anh **V**, đại diện nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 18/3/2024, anh **V**, đại diện cho ông **N** rút phần yêu cầu khởi kiện đối với bà **L** nên không xem xét giải quyết đối với yêu cầu này.

Tại “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 thể hiện địa chỉ của ông **B** tại **ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**. Tuy nhiên, sau đó ông **B** thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ với ông **N** mà không thông báo cho ông **N** biết về nơi cư trú mới,

thể hiện tại xác nhận ngày ngày 02/01/2024 của Công an xã T xác định: ông Đặng Văn B và bà Đoàn Thị L hiện có đăng ký thường trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay ông B, bà L không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định ông B cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Đối với yêu cầu của ông N yêu cầu ông B trả số tiền 350.000.000 đồng:

Theo anh V, đại diện cho nguyên đơn: vào ngày 22/6/2021, ông Đặng Văn B và bà Đoàn Thị L có vay của ông Trần Văn N số tiền 350.000.000 đồng. Ông N với ông B và bà L không có thỏa thuận lãi suất tiền vay, cam kết đến ngày 22/12/2021 sẽ trả hết số nợ đã vay cho ông N. Đến hạn trả nợ, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Ông N nhiều lần liên hệ ông B để yêu cầu trả nợ nhưng ông B không trả. Ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B trả số tiền vay là 350.000.000 đồng và tính lãi bắt đầu từ ngày 22/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng, tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 21 tháng x 0,83%/tháng x 350.000.000 đồng = 61.005.000 đồng. Tổng cộng là 411.005.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là giấy mượn tiền ngày 22/6/2021 (bản chính).

Đối với yêu cầu của ông N, ông B vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Xét thấy, tại “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 thể hiện: “.... tôi tên Đặng Văn B hiện ngụ T, xã T, M cùng vợ là Đoàn Thị L có mượn của Trần Văn N số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Vợ chồng tôi hứa trả cho em Trần Văn N vào ngày 22/12/2021. Nếu sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Dưới mục “Người mượn” có chữ ký “Bây” và chữ viết “Đặng Văn B”. Như đã nêu trên, chữ ký dạng chữ viết “Bây” mang tên “Đặng Văn B” dưới mục “Người mượn” trên tờ “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 đã được khẳng định là của ông Đặng Văn B tại Kết luận giám định số 224/2024/KL-KTHS ngày 25/3/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B. Điều này có cơ sở xác định, ông B có vay của ông N số tiền 350.000.000 đồng như trong Giấy mượn tiền ngày 22/6/2021. Trong giấy cho mượn tiền này thể hiện ngày trả tiền là ngày 22/12/2021, theo anh V, đại diện cho ông N xác định ông B chưa trả số tiền nêu trên cho ông N. Ông B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Theo hồ sơ không có chứng cứ chứng minh ông B đã trả nợ số tiền nêu trên cho ông N nên có căn cứ xác định, ông B còn nợ của ông N số tiền 350.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Cần buộc ông B có trách nhiệm trả cho N số tiền là 350.000.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của ông N về tiền lãi tính từ ngày 22/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Theo anh V, đại diện của nguyên đơn trình bày: ông N cho ông B vay số tiền 350.000.000 đồng không tính lãi. Tại “Giấy mượn tiền” ngày 22/6/2021 cũng không có nội dung thỏa thuận về lãi. Anh V yêu cầu Tòa án tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng, thời điểm tính lãi bắt đầu tính từ ngày 22/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2024 là 30 tháng 23 ngày. Cụ thể: 350.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 30 tháng 23 ngày = 89.381.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Cần buộc ông B có trách nhiệm trả cho ông N tổng số tiền vốn và lãi là 350.000.000 đồng + 89.381.000 đồng = 439.381.000 đồng.

Anh V rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà L có trách nhiệm liên đới cùng với ông B trả số tiền nợ nêu trên cho ông N nên cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là phù hợp với Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

* Án phí: ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 21.575.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Chi phí tố tụng: chi phí giám định số tiền là 2.400.000 đồng ông B phải chịu. Ông N đã nộp xong số tiền nêu trên. Cần buộc ông B có trách nhiệm hoàn trả cho ông N số tiền 2.400.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 161, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Đặng Văn B có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn N tổng số tiền là 439.381.000đ (Bốn trăm ba mươi chín triệu ba trăm tám mươi một ngàn đồng). Trong đó: tiền vốn là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 89.381.000đ (T mươi chín triệu ba trăm tám mươi một ngàn đồng).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N yêu cầu bà Đoàn Thị L có nghĩa vụ liên đới cùng ông Đặng Văn B trả số tiền nợ nêu trên cho ông Trần Văn N.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm: ông **Đặng Văn B** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.575.000đ (Hai mươi một triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông **Trần Văn N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.220.000đ (Mười triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003035 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Chi phí tố tụng: ông **Đặng Văn B** phải chịu là 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Ông **Trần Văn N** đã nộp xong. Ông **Đặng Văn B** phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông **Trần Văn N** số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trung